

đơn vị Kho bạc Nhà nước để bảo quản hộ và miễn phí.

Điều 6. Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm:

6.1. Tổ chức phát hành và thanh toán trái phiếu theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quyết định này.

6.2. Chủ động điều hành khối lượng, kỳ hạn và lãi suất phát hành trái phiếu theo các phương thức đấu thầu, bảo lãnh được quy định tại điểm 3.2, 3.3, 3.4 Điều 3 Quyết định này trong phạm vi khối lượng, kỳ hạn và khung lãi suất do Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt và phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn.

6.3. Thực hiện hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán các khoản thu trái phiếu và thanh toán trái phiếu theo chế độ quy định.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước hướng dẫn chi tiết và chỉ đạo thực hiện trong toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính, Giám đốc Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Sinh Hùng

THÔNG TƯ số 08/2005/TT-BTC
ngày 26/01/2005 hướng dẫn
Chế độ tài chính áp dụng đối
với Khu Thương mại và Công
ng nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa
khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ngày 20/5/1998, Luật Đầu tư nước ngoài ngày 12/11/1996, Luật Đầu tư nước ngoài (sửa đổi) ngày 09/6/2000, các Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 17/6/2003; Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 144/2004/QĐ-TTg ngày 12/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung một số chính sách ưu đãi đối với Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu Thương mại và Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài như sau,

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng:

Chế độ tài chính quy định tại Thông tư này được áp dụng trong phạm vi địa bàn Khu Thương mại - Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài (sau đây gọi tắt là KTM-CN) được thành

lập theo Quyết định 1595/2002/QĐ-UB ngày 30/9/2002 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu thương mại đô thị cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh;

Trong Thông tư này cụm từ “nội địa Việt Nam” được hiểu là phần còn lại của Khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài không bao gồm KTM-CN và phần lãnh thổ nước Việt Nam ngoài Khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng các chính sách ưu đãi về tài chính quy định tại Thông tư này là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh tại KTM-CN thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, bao gồm:

a) Các nhà đầu tư trong nước thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể và các cá nhân hành nghề độc lập.

b) Các tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; nhà đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh; người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Chỉ các hoạt động kinh doanh được tiến hành trên địa bàn KTM-CN mới

được hưởng các ưu đãi dành cho địa bàn KTM-CN quy định tại Thông tư này. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh cả trên địa bàn KTM-CN và trong nội địa Việt Nam thì phải hạch toán riêng các hoạt động kinh doanh trên địa bàn KTM-CN làm căn cứ xác định chế độ ưu đãi.

Đối với các doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động trong KTM-CN trước ngày Quyết định 144/2004/QĐ-TTg có hiệu lực mà chưa hưởng đủ ưu đãi, doanh nghiệp phải đề nghị cơ quan cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi ưu đãi bổ sung làm căn cứ để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Thông tư này.

3. Điều kiện áp dụng:

KTM-CN được hưởng các chế độ ưu đãi về tài chính quy định tại Thông tư này khi bảo đảm đồng thời các điều kiện sau:

- Có hàng rào cứng bảo đảm cách ly các hoạt động trong KTM-CN với các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu;

- Trong KTM-CN không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài);

- Có Trạm Kiểm soát hải quan để giám sát, kiểm tra người, hàng hóa và các phương tiện vào và ra KTM-CN.

4. Một số quy định chung về hải quan:

- Các tổ chức kinh tế hoạt động trong KTM-CN được xuất khẩu ra nước ngoài

và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả các hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm.

- Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa KTM-CN với các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu (gọi tắt là KKTCK) và nội địa Việt Nam phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu.

- Các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nội địa Việt Nam chỉ được nhập từ KTM-CN những hàng hóa, dịch vụ mà Việt Nam không cấm nhập khẩu, xuất khẩu vào KTM-CN những hàng hóa, dịch vụ mà Việt Nam không cấm xuất khẩu và chịu sự kiểm tra, giám sát của Hải quan.

- Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh được thành lập các trạm kiểm soát hải quan KTM-CN tại các cổng ra - vào KTM-CN. Các trạm hải quan KTM-CN chịu sự quản lý trực tiếp của Chi cục hải quan cửa khẩu Mộc Bài.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc loại hình nào thì áp dụng quy trình thủ tục hải quan hiện hành đối với loại hình đó.

- Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác phòng, chống buôn lậu trên địa bàn hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và có trách nhiệm phối hợp với các ban ngành liên quan trong công tác phòng, chống buôn lậu theo chỉ đạo của UBND tỉnh Tây Ninh.

5. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào KTM-CN

được hưởng ưu đãi tối đa dành cho các dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 9 tháng 6 năm 2000, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20 tháng 5 năm 1998, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng và các ưu đãi theo Điều ước quốc tế, các hợp đồng thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định các mức ưu đãi khác nhau về cùng một vấn đề thì được áp dụng mức ưu đãi quy định tại văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định về cùng một vấn đề do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

1. Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài, từ nội địa nhập vào KTM-CN được miễn thuế nhập khẩu.

b) Hàng hóa, dịch vụ từ KTM-CN nhập vào nội địa Việt Nam:

- Hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ nước ngoài nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN nếu phần giá trị hàng hóa xuất xứ ASEAN chiếm từ 40% trở lên, được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D và đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 64/2003/TT-BTC ngày 01/7/2003 về việc ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho năm 2003 - 2006 thì được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi CEPT khi nhập vào nội địa Việt Nam.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN nếu không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài, khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam không phải nộp thuế nhập khẩu.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài, khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa đó.

Căn cứ để xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa nhập vào nội địa Việt Nam gồm:

+ Giá trị từng loại nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong mỗi đơn vị hàng hóa (được tính bằng giá nhập khẩu từ nước ngoài (CIF) hoặc giá trên thị trường nội địa của nguyên liệu, linh kiện cùng loại (đơn vị tính VND) nhân với định mức tiêu hao của từng loại nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu trong mỗi đơn vị hàng hóa do đơn vị xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của định mức tiêu hao này).

+ Số lượng hàng hóa nhập khẩu vào nội địa Việt Nam,

+ Thuế suất thuế nhập khẩu đối với từng loại nguyên liệu, linh kiện.

Doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm đăng ký với cơ quan Hải quan về danh mục hàng hóa nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa trước khi nhập vào nội địa.

c) Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.

d) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế xuất khẩu từ nội địa Việt Nam đưa vào KTM-CN phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định hiện hành.

2. Về thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong KTM-CN không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, bao gồm: hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, cung ứng và tiêu thụ

trong KTM-CN; từ nước ngoài nhập vào KTM-CN.

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ KTM-CN xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ KTM-CN nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nếu mượn đường, quá cảnh qua các cửa khẩu KTM-CN trên cơ sở hiệp định song phương, đa phương đã ký kết hoặc ngành, địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép thì không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

3. Về thuế giá trị gia tăng:

- Hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài nhập khẩu vào KTM-CN không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

- Hàng hóa, dịch vụ từ KTM-CN xuất khẩu ra nước ngoài hưởng thuế suất GTGT là 0%; Hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất vào KTM-CN được hưởng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%. Điều kiện được hoàn thuế GTGT thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về hoàn thuế GTGT.

- Hàng hóa, dịch vụ từ KTM-CN đưa vào nội địa phải chịu thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa, dịch vụ lưu thông trong

nội bộ KTM-CN không phải chịu thuế GTGT. Đối với loại hàng hóa này, trong hóa đơn thuế GTGT, dòng thuế GTGT được gạch chéo (x).

4. Về thủ tục hải quan:

a) Đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào KTM-CN:

Doanh nghiệp KTM-CN thực hiện kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài và phải chịu sự giám sát của các Trạm kiểm soát hải quan KTM-CN;

b) Đối với hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào nội địa qua cửa khẩu Mộc Bài được làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài.

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ từ nội địa đưa vào KTM-CN, cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục khi doanh nghiệp có yêu cầu. Thủ tục hải quan được thực hiện như sau:

- Doanh nghiệp KTM-CN và doanh nghiệp nội địa thực hiện kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất nhập khẩu. Trường hợp vận chuyển hàng hóa nội bộ giữa doanh nghiệp và chi nhánh trong và ngoài KTM-CN thì thay thế Hợp đồng mua bán bằng chứng từ xuất kho.

- Trường hợp doanh nghiệp nội địa đăng ký tờ khai xuất khẩu tại Chi cục Hải quan nội địa, doanh nghiệp nội địa

kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất khẩu; Doanh nghiệp KTM-CN kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình nhập khẩu.

d) Đối với hàng hóa từ KTM-CN xuất khẩu ra nước ngoài:

Doanh nghiệp KTM-CN thực hiện kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài hoặc các Trạm kiểm soát hải quan trong KTM-CN.

đ) Đối với hàng hóa từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cửa khẩu Mộc Bài làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài. Trong trường hợp làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan nội địa, việc vận chuyển hàng đến cửa khẩu Mộc Bài thực hiện theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu.

e) Đối với hàng hóa từ KTM-CN đưa vào nội địa thì thủ tục hải quan thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài hoặc các Trạm kiểm soát Hải quan trong KTM-CN. Doanh nghiệp KTM-CN (bên bán) và doanh nghiệp nội địa (bên mua) có trách nhiệm:

- Kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất nhập khẩu. Trường hợp vận chuyển hàng hóa nội bộ giữa doanh nghiệp và chi nhánh trong và ngoài KTM-CN hoặc doanh nghiệp trực tiếp

mang hàng vào nội địa bán thì trong hồ sơ hải quan thay thế Hợp đồng bằng chứng từ xuất kho.

- Doanh nghiệp KTM-CN phải nộp thêm cho cơ quan Hải quan bảo sao Tờ khai hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào KTM-CN nếu hàng hóa đưa vào nội địa là hàng hóa có nguồn gốc nước ngoài, bản sao có đóng dấu sao y bản chính của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp KTM-CN (bên bán) phải nộp cho Chi cục Hải quan Mộc Bài bản định mức nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong sản phẩm nếu là hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN có sử dụng nguyên liệu, linh kiện của nước ngoài.

Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm mở sổ theo dõi đối với từng doanh nghiệp để thống kê và kiểm tra, đối chiếu với Phiếu xuất kho của số hàng hóa, dịch vụ đó.

f) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua KTM-CN chỉ được đi qua các cổng có trạm kiểm soát hải quan.

g) Ngoài các quy định tại Thông tư này, các bên liên quan phải thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Nghị định 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan và các văn bản hướng dẫn khác về hải quan.

B. ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KTM-CN

1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các dự án đầu tư vào KTM-CN được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm kế tiếp. Trường hợp cần đặc biệt khuyến khích cao hơn, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án.

Thủ tục để được hưởng miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất:

+ Thuế suất thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án mang lại: Thực hiện theo quy định tại tiết 5.1.4 Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

+ Thời hạn miễn, giảm thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án mang lại: Các dự án đầu tư không thuộc Danh mục A ban hành kèm theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003

của Chính phủ thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa là 2 năm tiếp theo. Các dự án đầu tư thuộc danh mục A ban hành kèm theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa là 7 năm tiếp theo.

+ Việc hạch toán phần thu nhập tăng thêm do đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất mang lại thực hiện theo quy định tại điểm 7 Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động kinh doanh trong KTM-CN, sau khi đã quyết toán với cơ quan thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ sang những năm sau để trừ vào thu nhập chịu thuế. Thời gian được chuyển lỗ không quá 5 năm.

- Thu nhập chịu thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất gắn với kết cấu hạ tầng, vật kiến trúc trên đất phải nộp thuế thu nhập theo quy định tại Mục C của Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày

22/12/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Về giao đất có thu tiền sử dụng đất, giá và tiền thuê đất

- Người sử dụng đất trong KTM-CN được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, được sản xuất kinh doanh, hoạt động dịch vụ và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với hình thức được giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Các dự án đầu tư vào KTM-CN được miễn tiền thuê đất trong 11 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất và được hưởng mức giá thuê đất bằng 30% giá thuê đất áp dụng tại khu vực từ năm thứ 12 trở đi.

- Áp dụng chế độ một giá thuê đất đối với cá nhân và doanh nghiệp thuê đất, không phân biệt người Việt Nam hay người nước ngoài.

Đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài quyết định mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, mức miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo từng dự án nhằm bảo đảm khuyến khích đầu tư trên cơ sở giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định.

3. Về tín dụng đầu tư:

Các doanh nghiệp trong nước thuộc các

thành phần kinh tế có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh tại KTM-CN được ưu tiên vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư theo quy định tại Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ và Quyết định số 54/2004/QĐ-BTC ngày 16/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

4. Về giá, phí, lệ phí và thuế khác:

- Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài được phép thu các loại phí, lệ phí tương ứng với nhiệm vụ được các cơ quan quản lý nhà nước ủy quyền theo quy định hiện hành. Khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài có trách nhiệm thông báo và đăng ký với cơ quan thuế nơi Ban quản lý đặt trụ sở về việc thu các loại phí, lệ phí do thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

- Mức giá sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, tiện ích công cộng và các dịch vụ chung cho KTM-CN về đường giao thông, bến cảng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, điện chiếu sáng, điện, nước, thông tin liên lạc,... là mức giá thỏa thuận giữa các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng và các đối tượng sử dụng.

- Các loại thuế, phí và lệ phí khác được thực hiện theo quy định hiện hành tại các Luật thuế, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Pháp lệnh Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật khác.

C. ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH QUA LẠI KTM-CN

- Khách du lịch trong và ngoài nước khi vào KTM-CN được phép mua các loại hàng hóa mang về nội địa và miễn thuế nhập khẩu nếu tổng giá trị hàng hóa không vượt quá 500.000 đồng/người/ngày. Nếu tổng trị giá hàng hóa mua vượt mức quy định trên đây, người có hàng hóa phải nộp thuế nhập khẩu phần vượt định mức theo quy định của pháp luật hiện hành.

Khách du lịch có mua hàng hóa tại KTM-CN đem vào nội địa phải làm thủ tục kê khai hải quan tại Trạm kiểm soát hải quan cửa khẩu Mộc Bài hoặc các Trạm kiểm soát hải quan trong KTM-CN.

Ban quản lý Khu KTCK Mộc Bài hướng dẫn cụ thể các tiêu chuẩn để xác định đối tượng qua lại Khu TM-CN là khách du lịch sau khi trao đổi với UBND tỉnh Tây Ninh.

- Đối với hành khách nhập cảnh vào Việt Nam qua cửa khẩu Mộc Bài bằng hộ chiếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp, khi vào KTM-CN được phép mang vào nội địa Việt Nam hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định 66/2002/NĐ-CP ngày 01/7/2002 của Chính phủ về định mức hành lý người xuất cảnh, nhập cảnh và quà biếu, tặng nhập khẩu được miễn thuế.

- Phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hàng hóa, hành lý, ngoại hối của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá

cảnh làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài.

- Phương tiện vận tải nội địa đi qua Khu TM-CN phải chịu sự giám sát của Trạm Hải quan KTM-CN.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- UBND tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đủ các điều kiện quy định tại khoản 3, Mục I để KTM-CN được áp dụng chế độ tài chính quy định tại Thông tư này. Trường hợp chưa đủ các điều kiện quy định chưa được áp dụng.

- UBND tỉnh Tây Ninh chỉ đạo các cơ quan liên quan (bộ đội biên phòng, công an cửa khẩu, cơ quan hải quan, cơ quan thuế,...) tăng cường phối hợp để thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát nhằm chống các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại tại Khu TM-CN Mộc Bài.

- Sau 02 năm, UBND tỉnh Tây Ninh chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tiến hành tổng kết, đánh giá việc áp dụng một số chính sách ưu đãi bổ sung về tài chính tại Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.

- Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trần Văn Tá